

Số: 30/2022/QĐCNHGT-DS

H, ngày 15 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;  
Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của các bên tham gia hòa giải.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện Liên Việt.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29 tháng 7 năm 2022 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

+ *Người khởi kiện:* Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) bưu điện Liên Việt.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Liên Việt.

Địa chỉ: Tòa nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Bích T – Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Liên Việt chi nhánh tỉnh C. *(Theo quyết định số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần bưu điện Liên Việt về việc ủy quyền thực hiện hoạt động tố tụng đối với giám đốc chi nhánh)*

Địa chỉ: Số 40 K, phường H, thành phố C, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lưu Bích T: Ông Đàm Văn Dũng – Giám đốc ngân hàng thương mại cổ phần Liên Việt – phòng giao dịch H thuộc chi nhánh tỉnh C. *(Theo quyết định số 517/2022/QĐ-LPB.CP ngày 18/5/2022 của Giám đốc chi nhánh C về việc thực hiện hoạt động tố tụng đối với Giám đốc phòng giao dịch H ông Đàm Văn Dũng)*

Địa chỉ: Phố H, thị trấn N, huyện H, tỉnh C.

+ *Người bị kiện:*

Ông Triệu Văn B, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ X, thị trấn X, huyện H, tỉnh C.

Bà Triệu Thị D, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ X, thị trấn X, huyện H, tỉnh C.

+ *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông Triệu Văn B, sinh năm 1962. Địa chỉ: Tổ X, thị trấn X, huyện H, tỉnh C.

Bà Đàm Thị N, sinh năm 1966. Địa chỉ: Tổ X, thị trấn X, huyện H, tỉnh C.

Đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Triệu Thị D và ông Triệu Văn B.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29 tháng 7 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29 tháng 7 năm 2022, cụ thể như sau:

(1) Bên khởi kiện, bên bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng xác nhận Ông Triệu Văn B và bà Triệu Thị D vay Ngân hàng TMCP Liên Việt chi nhánh C – Phòng giao dịch H số tiền gốc 290.000.000đ (Hai trăm chín mươi triệu đồng); thời hạn vay là 10 năm (từ tháng 7 năm 2017 đến tháng 7 năm 2027); mục đích vay để mua sắm nội thất gia đình; Lãi suất vay 11,9%/năm. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thế chấp, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 306162, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03135 mang tên ông Triệu Văn B và bà Đàm Thị N do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 30/9/2009. Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 25-5, địa chỉ: tổ X, thị trấn X, huyện H, tỉnh C, diện tích 183,5m<sup>2</sup>; Tài sản gắn liền với đất: 01 ngôi nhà cấp IV, diện tích xây dựng 80m<sup>2</sup>, kết cấu bê tông cốt thép, xây dựng năm 2012.

(2) Bên khởi kiện, bên bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thỏa thuận thống nhất:

- Trước ngày 17/8/2022 Ông Triệu Văn B, Triệu Thị D, Đàm Thị N, Triệu Văn B liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP bưu điện Liên Việt chi nhánh C – Phòng giao dịch H số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 21/7/2022 là 112.464.851đ (Một trăm mười hai triệu bốn trăm sáu mươi tư nghìn tám trăm năm mươi một đồng), cụ thể:

+ Tiền nợ gốc là: 39.629.853đ (Ba mươi chín triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn tám trăm năm mươi ba đồng).

+ Tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 28/7/2022 là: 72.834.998đ (Bảy mươi hai triệu tám trăm ba mươi tư nghìn chín trăm chín mươi tám đồng)

- Trường hợp Ông Triệu Văn B, bà Triệu Thị D, bà Đàm Thị N, ông Triệu Văn B thanh toán được khoản nợ quá hạn 112.464.851đ (Một trăm mười hai triệu bốn trăm sáu mươi tư nghìn tám trăm năm mươi một đồng) trước ngày 17/8/2022 thì bên bị kiện tiếp tục sử dụng vốn vay và thanh toán nợ gốc, tiền lãi theo các phân kỳ như sau:

STT	Ngày phải trả	Gốc phải trả	Lãi phải trả
1	22/10/2022	7,250,000.00	4,409,611.00
2	27/01/2023	7,250,000.00	4,416,801.00
3	22/04/2023	7,250,000.00	3,666,688.00
4	22/07/2023	7,250,000.00	3,707,428.00
5	23/10/2023	7,250,000.00	3,566,033.00
6	22/01/2024	7,250,000.00	3,271,260.00
7	22/04/2024	7,250,000.00	3,053,176.00
8	22/07/2024	7,250,000.00	2,835,092.00
9	22/10/2024	7,250,000.00	2,645,767.00
10	22/01/2025	7,250,000.00	2,425,286.00
11	22/04/2025	7,250,000.00	2,156,875.00
12	22/07/2025	7,250,000.00	1,962,756.00
13	22/10/2025	7,250,000.00	1,763,844.00
14	22/01/2026	7,250,000.00	1,543,364.00
15	22/04/2026	7,250,000.00	1,294,125.00
16	22/07/2026	7,250,000.00	1,090,420.00
17	22/10/2026	7,250,000.00	881,922.00
18	22/01/2027	7,250,000.00	661,442.00
19	22/04/2027	7,250,000.00	431,375.00
20	27/07/2027	7,250,000.00	230,067.00

(3) Trường hợp sau ngày 17/8/2022 Ông Triệu Văn B, bà Triệu Thị D, bà Đàm Thị N, ông Triệu Văn B không thanh toán khoản nợ quá hạn 112.464.851đ (Một trăm mười hai triệu bốn trăm sáu mươi tư nghìn tám trăm năm mươi một đồng) cho ngân hàng hoặc thanh toán nợ chậm hai phân kỳ liên tiếp, số nợ gốc và lãi còn lại chuyển thành nợ xấu thì Ông Triệu Văn B, bà Triệu Thị D, bà Đàm Thị N, ông Triệu Văn B nhất trí để Ngân hàng TMCP Liên Việt, Cơ quan thi hành án dân sự và các cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng. Tài sản thế chấp là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thế chấp, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 306162, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03135 mang tên ông Triệu Văn B và bà Đàm Thị N do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 30/9/2009. Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 25-5, địa chỉ: tổ X, thị trấn X, huyện H, tỉnh C, diện tích 183,5m<sup>2</sup>.

- Tài sản gắn liền với đất: 01 ngôi nhà cấp IV, diện tích xây dựng 80m<sup>2</sup>, kết cấu bê tông cốt thép, xây dựng năm 2012.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**2.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các bên tham gia hòa giải;
- TAND tỉnh C;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Lưu TA.

**THẨM PHÁN**

**Nông Thanh Lịch**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-QĐHG:**

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN THÀNH PHỐ HÀ NỘI). Tòa án cấp tỉnh để riêng một dòng (trong ví dụ trên thì THÀNH PHỐ HÀ NỘI để riêng một dòng); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định, ô thứ ba ghi lĩnh vực tranh chấp (ví dụ: Số: 02/2021/QĐCNHGT-KDTM).
- (3) Ghi họ và tên của người yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành.
- (4) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện yêu cầu giải quyết.

(5) Ghi tên của người khởi kiện. Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên của người đó và tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức đó.

(6) Ghi tên, địa chỉ của các bên tham gia hòa giải, người đại diện, người phiên dịch (nếu có); Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó. Đối với người đại diện thì ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người được đại diện; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A; cư trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B; cư trú tại... là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (Văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...).

(7) Ghi đầy đủ, lần lượt các thoả thuận của các bên tham gia hòa giải về từng vấn đề đã được thể hiện trong Biên bản ghi nhận kết quả hoà giải.